

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thái Lan

Thẩm phán: Ông Mai T Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Duy Ngọc

Ông Nguyễn Ngọc Uyên

Ông Nguyễn Hồng Thái

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tân - Thẩm tra viên Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Ân - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2023/HSST-QĐ ngày 27 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phan C.M; Tên gọi khác: Cún; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 28/4/2008, tại tỉnh Phú Yên.

Nơi cư trú: 162/1 Nguyễn H, phường 5, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12.

Cha: Không xác định; mẹ: Phan Thị Cẩm N, sinh 1987.

Có 02 em; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên.

2. Võ Ngọc T.V; Tên gọi khác: Rận; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 23/5/2008, tại tỉnh Phú Yên.

Hộ khẩu thường trú: 33/13 Lê L, phường 5, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Nơi ở hiện nay: KP CVA, phường 5, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 03/12.

Cha: Võ Ngọc C, sinh năm 1970; Mẹ: Đoàn Thị H, sinh năm 1974 .

Có 02 anh; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 09/3/2023 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên.

3. Lê Thanh K; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 28/01/2008 tại tỉnh Phú Yên.

Nơi cư trú: 63/4 Lê L, phường 3, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12.

Cha: Lê Kim H, sinh năm 1980; Mẹ: Không xác định.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2023 đến nay tại phường 3, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

4. Phan Ngọc T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 25/9/2006 tại tỉnh Phú Yên.

Nơi cư trú: KP Liên T, xã BK, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12.

Cha: Phan Công Đ, sinh năm 1979; Mẹ: Mạnh Thị T, sinh năm 1982.

Có 01 anh; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2023 đến nay tại xã BK, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

5. Bùi Bá T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 31/01/2008 tại nước N.

Hộ khẩu thường trú: 366 Tôn ĐT, xã AĐ, Hện An D, thành phố HP.

Nơi ở hiện nay: 08/4 Nguyễn CT, phường 3, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Học sinh Trường Cao đẳng Nghề Phú Yên.

Cha: Bùi BT, sinh năm 1973; Mẹ: Đào Thị NA, sinh năm 1977.

Có 01 chị; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2023 đến nay tại phường 3, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

6. Bùi Gia H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 05/3/2008 tại tỉnh Phú Yên.

Nơi cư trú: KP Phước H, phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 07/12.

Cha: Không xác định; Mẹ: Bùi Thị Bích L, sinh năm 1988.

Có 02 em; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2023 đến nay tại phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

7. Bùi Quang Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 03/6/2008 tại tỉnh Phú Yên.

Nơi cư trú: Thôn Ngọc P, xã Bình N, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12.

Cha: Bùi Q.T, sinh năm 1974; Mẹ: Bùi Thị T.M, sinh năm 1977.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2023 đến nay tại xã Bình N, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

8. Nguyễn Vũ Thành Đ; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Sinh ngày 07/3/2007 tại thành phố HM.

Hộ khẩu thường trú: 198/2E Nguyễn T.T, phường BT, quận 7, thành phố HM.

Nơi ở hiện nay: KP Trần P, phường 8, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Q tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Học sinh Trường Cao đẳng Nghề Phú Yên.

Cha: Nguyễn VL, sinh năm 1982; Mẹ: Vũ Thị T, sinh năm 1980.

Có 01 em; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/9/2023 đến nay tại phường 8 TP. TH, tỉnh Phú Yên.

Các bị cáo đều có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan C.M: Bà Nguyễn Thị Khánh Duy – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc T.V: Bà Huỳnh Diệp Hên Trang – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên (Có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T: Ông Nguyễn Nnh – Luật sư Vphòng Luật sư Nguyễn Nnh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử (Có mặt).

- Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ: Ông Nguyễn Thanh Mận – Luật sư Công ty Luật TNHH Bảo Khánh do Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú yên cử (Có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan C.M có bà Phan Thị Cẩm N, sinh năm 1987(Mẹ ruột) ủy quyền cho bà Bùi Thị Y, sn 1955 (V bản ngày 30/10/2023) (**Bà Y có mặt**).

Địa chỉ: 162/1 Nguyễn H, phường 5, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Ngọc T.V có **ông Võ Ngọc C** và bà Đoàn Thị H, sinh năm 1974 (**Ông C vắng mặt, bà H có mặt**).

Địa chỉ: KP CVA, phường 5, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Thanh K có ông Lê Kim H, sinh năm 1980 (Cha ruột) (**Có mặt**).

Địa chỉ: 63/4 Lê L, phường 3, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phan Ngọc T có ông Phan Công Đ, sinh năm 1979 (Cha ruột) (**Vắng mặt**), bà Mạnh Thị T, sinh năm 1982 (Mẹ ruột) (**Có mặt**).

Địa chỉ: KP Liên T, xã BK, TP. TH, tỉnh Phú Yên

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Bá T có ông Bùi BT, sinh năm 1973; Địa chỉ: CHB12 Tầng 12A, chung cư HC, phường VH, TP NT, Khánh Hòa; Mẹ: Đào Thị NA, sinh năm 1977, Địa chỉ: 368 Tôn ĐT, xã AD, Hện An D, TP. HP.(Cha mẹ ruột) bà A ủy quyền cho ông Bùi BT và ông Chu Ngọc H, Địa chỉ: Thôn Phú P, xã An C, Hện TA, tỉnh Phú Yên (V bản ủy quyền ngày 26/10/2023) (**Có mặt**).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Gia H có bà Bùi Thị Bích L, sinh năm 1988 (**Có mặt**).

Địa chỉ: KP Phước H, phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

- **Người đại diện hợp pháp của bị cáo Bùi Quang Đ có ông Bùi Q.T (Vắng mặt), bà Bùi Thị T.M, sinh năm 1977(Có mặt).**

Địa chỉ: Thôn Ngọc P, xã Bình N, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ có bà Vũ Thị T, sinh năm 1980 (**Có mặt**); **ông Nguyễn VL, sinh 1982 (Vắng mặt).**

Địa chỉ: KP Trần P, phường 8, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

- **Bị hại:** Bùi Trung N, sinh ngày 22/6/2006 (**Có mặt**).

Người đại diện hợp pháp có bà Đặng Thị Hên A, sinh năm 1984 (Có mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã Hòa QN, Hện PH, tỉnh Phú Yên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Võ Ngọc C, sinh năm 1970, bà Đoàn Thị H, sinh năm 1974 (**Ông C vắng mặt, bà H có mặt**).

2. Bà Phan Thị Cẩm N, sinh năm 1987 ủy quyền cho bà Bùi Thị Y, sn 1955 (V bản ngày 30/10/2023) (**Bà Y có mặt**).

Địa chỉ: 162/1 Nguyễn H, phường 5, TP. TH, tỉnh Phú Yên.

3. Ông Lê Kim H, sinh năm 1980 (Có mặt).
Địa chỉ: 63/4 Lê L, phường 3, TP. TH, tỉnh Phú Yên.
4. Ông Phan Công Đ, sinh năm 1979 (Vắng mặt), bà Mạnh Thị T, sinh năm 1982 (Có mặt).
Địa chỉ: KP Liên T, xã BK, TP. TH, tỉnh Phú Yên
5. Ông Bùi BT, sinh năm 1973; Địa chỉ: CHB12 Tầng 12A, chung cư HC, phường VH, TP NT, Khánh Hòa, Bà Đào Thị NA, sinh năm 1977, Địa chỉ: 368 Tôn Đ T, xã AĐ, Hện An D, TP. HP.(Cha mẹ ruột) bà A ủy quyền cho ông Bùi BT và ông Chu Ngọc H, Địa chỉ: Thôn Phú P, xã An C, Hện TA, tỉnh Phú Yên (V bản ủy quyền ngày 26/10/2023) (Có mặt).
6. Bà Bùi Thị Bích L, sinh năm 1988 (Có mặt).
Địa chỉ: KP Phước H, phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên.
7. Ông Bùi Q.T, sinh năm 1974 (Vắng mặt), bà Bùi Thị T.M, sinh năm 1977(Có mặt).
Địa chỉ: Thôn Ngọc P, xã Bình N, TP. TH, tỉnh Phú Yên.
8. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1980 (Có mặt); ông Nguyễn VL, sinh 1982 (Vắng mặt).
Địa chỉ: KP Trần P, phường 8, TP. TH, tỉnh Phú Yên.
9. Phạm Kỳ Q, sinh ngày 29/8/2006 (Vắng mặt).
Người đại diện hợp pháp có ông Phạm Kỳ C, sinh năm 1979.
Cùng địa chỉ: Thôn ĐT, xã Hòa Định Đ, Hện PH, tỉnh Phú Yên (Vắng mặt).
10. Trần Duy PH, sinh ngày 20/8/2005 (Có mặt).
Địa chỉ: KP Phước H, phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên.
11. Lê Khoa Đ, sinh ngày 29/10/2008 (Có mặt).
Người đại diện hợp pháp có bà Phan Thị PH T, sinh năm 1985 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Thôn ĐB, xã HA, Hện PH, tỉnh Phú Yên.
12. Nguyễn Thanh N, sinh ngày 06/3/2005 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn Phú A, xã HA, Hện PH, tỉnh Phú Yên.
13. Nguyễn Phạm Tường V, sinh ngày 22/12/2003 (Có mặt).
Địa chỉ: Khu phố Phú H, phường Hòa Hiệp T, TX ĐH, tỉnh Phú Yên.
14. Nguyễn Thanh B, sinh năm 1970 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Khu phố Phú H, phường Hòa Hiệp T, TX ĐH, tỉnh Phú Yên.
- Người làm chứng:**
1. Nguyễn Thị Y N, sinh ngày 16/6/2007 (Vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Khu phố Phú H, phường Hòa Hiệp T, TX ĐH, tỉnh Phú Yên.
2. Nguyễn Ngọc Trúc Quỳnh, sinh ngày 28/02/2007 (Có mặt).
Cùng địa chỉ: Khu phố Phú H, phường Hòa Hiệp T, TX ĐH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/3/2023, Phan C.M điều khiển xe mô tô chở Bùi Bá T, Bùi Gia H; Nguyễn Vũ Thành Đ điều khiển xe mô tô chở Lê Thanh K; Phan Ngọc T điều khiển xe mô tô chở Võ Ngọc T.V; Bùi Quang Đ điều khiển xe mô tô chở em Phạm Kỳ Q; em Lê Khoa Đ điều khiển xe mô tô đi một mình, khi đi ngang qua Công viên trước Trường Đại học Phú Yên thuộc khu phố Nhị Tịnh 4, phường 9, TP. TH thấy em Bùi Trung N, Nguyễn Thanh N và một số người khác đang chơi tại đây, M nghe có người nói "cô hồn, trẻ trâu" nghĩ người trong nhóm em N nói nhóm của M nên bức tức. Sau khi đến đường Nguyễn Hữu Thọ, phường 9, TP. TH Định đón và chở em Trần Duy PH, trên đường đi M rủ cả nhóm đánh nhóm của em N. M nói "cái nhóm hồi nãy có đứa nói tui mình cô hồn và nhìn đều mình, quay lại mức tui nó", các em Định, PH và Q không đồng ý, em Định và PH nói " tao chỉ đi xem chứ không tham gia đánh", em Q nói "thôi bỏ đi". V, K, T, H, Đ, Đ, T thống nhất đánh nhóm em N, đến công viên M, V, K, H, T, T đi đến đứng đối diện với em N; em Q đi theo đến đứng phía sau; Đ, Đ và các em Định, PH dừng xe đứng gần đó. M hỏi em N "nãy tui mày nói gì tao vậy?", em N nói "không ai nói gì hết" rồi quay lưng lại đi, M dùng tay phải đánh vào mặt của em N 01 cái, Đ chạy đến cùng H, K, T dùng tay đánh nhiều cái vào đầu, vai, tay, lưng làm mũ bảo hiểm em đang đội rơi xuống đất, em Q can ngăn nói "thôi bỏ đi" nên T lùi ra, V lấy mũ bảo hiểm của em N, T lấy mũ bảo hiểm ở trên xe mô tô gần đó cùng đánh nhiều cái vào đầu, lưng của em N làm 02 mũ bảo hiểm bị bể, M dùng chân đạp 01 cái vào người em Nhật; K dùng chân đạp xe của em N và hô lớn "cái dao của tao đâu, cái dao của tao đâu", V rút dao thái lan, lưỡi dao quán khăn quàng đỏ cài sau lưng quần ra đưa K nhưng K không cầm, V đưa cho M, M cầm dao bằng tay trái, em Q dùng tay chụp tay trái của M can ngăn nói "thôi bỏ đi", M hất tay em Q ra, đồng thời tay phải rút dao ra khỏi khăn quàng làm lưỡi dao trúng ngón út bàn tay trái của em Q rồi chạy đến đâm em N 02 nhát vào lưng, con dao dính lại trên lưng của em N gây vết thương thấu ngực, thủng thùy trên phổi trái, em N bỏ chạy vào công viên, được mọi người đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên cấp cứu và điều trị.

Kết luận giám định tổn thương cơ thể số 110 ngày 11/4/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Em Bùi Trung N bị TH tích tỷ lệ 29%. Vật tác động: Vật sắc nhọn + vật tày.

Tại bản cáo trạng số: 86/CT-VKSPY-P1 ngày 20 tháng 11 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ về tội " Giết người " theo điểm n khoản 1 Điều 123 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị HĐXX xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và yêu cầu bồi thường số tiền 124.954.390đ.

- Các bị cáo và người đại diện hợp pháp của các bị cáo thống nhất bồi thường cho bị hại số tiền 124.954.390, mỗi bị cáo bồi thường 15.619.298đ.

- Đại diện VKSND tỉnh Phú Yên luận tội, giữ N quan điểm truy tố các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ về tội “ Giết người ” như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, điểm s khoản 1, 2 Điều 51,15, 57, 91, 101, khoản 3 Điều 102 BLHS đối với các bị cáo, điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS đối với bị cáo M, điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo M, K, T, T, H, Đ xử phạt bị cáo M từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, các bị cáo T, Đ, H mỗi bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù, các bị cáo K, T, Đ mỗi bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 124.954.390đ, mỗi bị cáo bồi thường số tiền 15.619.298đ.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

+01 khăn quàng đỏ (loại khăn quàng học sinh);

+ 02 mũ bảo hiểm bị vỡ và phần xóp của mũ bảo hiểm;

+ 02 chất màu nâu thẫm:

+ 01 con dao dài 20cm, phần cán dao bằng nhựa dài 10cm, trên cán có chữ KIWI, phần lưỡi bằng kim loại dài 10cm, trên dao có dính chất màu đỏ thẫm;

Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án:

+01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu vàng đồng của bị cáo của Đ.

Giao trả lại:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng; có ốp lưng nhựa trong suốt viền màu vàng; 01 xe mô tô Sirius, màu đen xanh, biển số 15AA-236.32, số khung RPESCBFPELA389784, bị xước mặt đèn pha, lỏng mặt nạ cho bị cáo T.

+ 01 điện thoại di động hiệu Samsung A2, màu xanh cho bị cáo K.

- Người bào chữa cho bị cáo Phan C.M có bà Nguyễn Thị Khánh Duy trình bày ý kiến: Bị cáo phạm tội ở độ tuổi trẻ em, bị cáo không có cha sống với bà ngoại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do VKS đề nghị, về mức hình phạt đề nghị HĐXX xử mức án thấp.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Ngọc T.V có bà Huỳnh Diệp Hên Trang trình bày ý kiến: Thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự do VKS đề nghị, cha mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo sống thiếu tình tH sự giám sát giáo dục của gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, trình độ Vhoá thấp, chưa phát

triển đầy đủ về thể chất và tinh thần, đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp hơn VKS đề nghị. Về TNDS: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các bị cáo và bị hại. Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T có ông Nguyễn Nnh trình bày ý kiến: Bị cáo K, T phạm tội lúc 15 tuổi, bị cáo T phạm tội lúc 16 tuổi do đó tâm sinh lý của các bị cáo chưa phát triển toàn diện, các bị cáo có học vấn thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế. Các bị cáo bị rủ rê lôi kéo, các bị cáo T, K dùng tay, bị cáo T dùng mũ bảo hiểm đánh bị hại. Các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần thiệt hại, chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 123, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, 15, 57, 91, 101, 102, 65 BLHS xử phạt các bị cáo dưới mức đề nghị của VKS và cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà tự cải tạo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội. Về TNDS: Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường giữa các bị cáo và bị hại. Về vật chứng: đề nghị trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại và 01 xe máy, trả lại cho bị cáo K 01 điện thoại.

- Người bào chữa cho các bị cáo Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ có ông Nguyễn Thanh Mận trình bày ý kiến:

+ Đối với bị cáo Đ: Thống nhất về tội danh, không đồng ý hành vi đồng phạm tội giết người với tình tiết định khung hình phạt phạm tội có tính chất côn đồ bởi tất cả các bị cáo đều tham gia đánh bị hại còn bị cáo Đ chỉ đứng ở ngoài, giám định tH tích bị hại là do dao nhọn, vật tày gây ra là do người khác đánh, do đó đề nghị áp dụng án lệ số 17/HĐTP xem xét vai trò đồng phạm về tội danh hay đồng phạm khung hình phạt, không đồng ý truy tố bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ, đề nghị cHên khung hình phạt truy tố bị cáo sang khoản 2 Điều 123 BLHS và đề nghị miễn hình phạt cho bị cáo.

+ Đối với bị cáo H, Đ: Thống nhất về tội danh, định khung hình phạt đề nghị xem xét hoàn cảnh, điều kiện phạm tội của các bị cáo cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật áp dụng Điều 65, Nghị quyết 01/HĐTP năm 2018, Nghị quyết 01/HĐTP năm 2022 cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố

tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng nhưng xét thấy họ đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử, không ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án do đó chấp nhận ý kiến của các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bào chữa của các bị cáo và của Kiểm sát viên, căn cứ Điều 292, 293 BLTTHS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; phù hợp với bản kết luận giám định pháp y về tH tích, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra kèm các bản ảnh, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 08/3/2023, tại Công viên trước Trường Đại học Phú Yên thuộc khu phố Nhị Tịnh 4, phường 9, TP. TH, Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ đã có hành vi thống nhất dùng tay, mũ bảo hiểm, dao thái lan đánh, đâm nhiều cái vào lưng, đầu, mặt, vai, tay của em Bùi Trung N, em N được cấp cứu kịp thời nên không nguy hiểm đến tính mạng nhưng bị tH tích tỷ lệ 29%.

Hành vi của các bị cáo thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Giết người ” với tình tiết định khung hình phạt phạm tội có tính chất côn đồ, quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự. VKSND tỉnh Phú Yên truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đặc biệt nghiêm trọng, các bị cáo vô cớ đã cố ý dùng tay, mũ bảo hiểm đánh vào đầu, mặt, vai đặc biệt dùng dao đâm vào vùng lưng thấu phổi bị hại là vùng trọng yếu của cơ thể nếu không được cấp cứu kịp thời sẽ nguy hiểm đến tính mạng dẫn đến hậu quả chết người. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường tính mạng sức khỏe của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây nguy hiểm và mất trật tự an toàn xã hội tại địa pH, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi lượng hình cần xem xét đến tính chất, mức độ, vai trò thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Bị cáo Phan C.M là người đề xuất rủ rê các bị cáo khác phạm tội trong đó có các bị cáo là người dưới 18 tuổi thuộc trường hợp tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS và bị cáo cũng là người trực tiếp dùng dao thái lan là hung khí nguy hiểm đâm trực tiếp hai cái vào lưng bị hại gây nên

tH tích chính cho bị hại nên mức án dành cho bị cáo phải nghiêm khắc và cao hơn các bị cáo khác.

Các bị cáo Võ Ngọc T.V, Lê Thanh K là những người giúp sức tích cực, bị cáo Vdùng mũ bảo hiểm, bị cáo K dùng tay đánh bị hại, đồng thời bị cáo K là người có hành vi dùng chân đạp xe của em N và hô lớn “cái dao của tao đâu, cái dao của tao đâu”, bị cáo Vlấy dao mang trong người đưa cho bị cáo M đâm bị hại vì thế mức án dành cho hai bị cáo cần cao hơn các bị cáo còn lại.

Các bị cáo Phan Ngọc T, Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ cũng tham gia với vai trò giúp sức cho bị cáo M, bị cáo Phan Ngọc T dùng mũ bảo hiểm và các bị cáo Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, dùng tay đánh bị hại, bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ thống nhất cùng đi giúp sức do đó mức án thấp hơn các bị cáo M, V, K.

Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, chưa có tiền án tiền sự, nhân thân tốt, có một số bị cáo trong quá trình sinh trưởng thiếu một phần tình tH, giám sát giáo dục đầy đủ của cha mẹ, gia đình, hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn bị cáo M thuộc hộ cận nghèo, các bị cáo M, K, T, H, T, Đ đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa Đ, tại thời điểm phạm tội bị cáo Phan C.M 14 tuổi 10 tháng 10 ngày, Võ Ngọc T.V 14 tuổi 09 tháng 15 ngày, Lê Thanh K 15 tuổi 01 tháng 10 ngày, Phan Ngọc T 16 tuổi 05 tháng 13 ngày, Bùi Bá T 15 tuổi 01 tháng 07 ngày, Bùi Gia H 15 tuổi 03 ngày, Bùi Quang Đ 14 tuổi 09 tháng 05 ngày, Nguyễn Vũ Thành Đ 16 tuổi 01 ngày, nên áp dụng Điều 91, Điều 101, Điều 102 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà yên tâm cải tạo sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với các bị cáo Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội, nên cho các bị cáo cho hưởng án treo, cho các bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương, gia đình cũng đủ rắn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Phan C.M rút dao làm trún ngón út bàn tay trái của em Phạm Kỳ Q, dùng chân đạp 01 cái vào người em Nguyễn Thanh N, các em Q, Nhật không yêu cầu giám định và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

Các em Lê Khoa Đ, Trần Duy PH, Phạm Kỳ Q không thống nhất không tham gia đánh em Bùi Trung N, khi thấy các bị cáo đánh N, **em Q còn can ngăn nên không đồng phạm với các bị cáo.**

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 124.954.390đ. **Các bị cáo và người**

đại diện hợp pháp của các bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại thống nhất các bị cáo tự nguyện bồi thường số tiền 124.954.390đ trong đó mỗi bị cáo bồi thường số tiền 15.619.298đ cho bị hại nên HĐXX ghi nhận. Bị hại đã nhận số tiền bồi thường của các bị cáo: Bị cáo M 7.000.000đ, bị cáo Đ 7.000.000đ, bị cáo T 16.000.000đ, bị cáo K 15.700.000đ, bị cáo T 2.000.000đ, bị cáo H 1.500.000đ nên các bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền: Bị cáo M 8.619.298đ, bị cáo Đ 8.619.298đ, bị cáo T 13.619.298đ, bị cáo H 14.119.298đ.

Các bị cáo Phan Ngọc T, Bùi Gia H, Nguyễn Vũ Thành Đ phạm tội khi dưới 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự các bị cáo: Bị cáo T phải bồi thường 13.619.298đ, bị cáo H phải bồi thường 14.119.298đ, bị cáo Đ phải bồi thường 8.619.298đ cho người bị hại bằng T sản của mình, nếu không đủ T sản để bồi thường thì, cha mẹ của bị cáo T là ông Phan Công Đ, bà Mạnh Thị T, mẹ của bị cáo H là bà Bùi Thị Bích L, cha mẹ của bị cáo Đ là ông Nguyễn VL, bà Vũ Thị T phải bồi thường phần còn thiếu bằng T sản của mình.

Các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Bùi Quang Đ phạm tội khi chưa đủ 15 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì mẹ của bị cáo M là bà Phan Thị Cẩm N phải bồi thường số tiền 8.619.298đ, cha, mẹ của bị cáo V là ông Võ Ngọc C, bà Đoàn Thị H phải bồi thường số tiền 15.619.298đ, cha, mẹ của bị cáo Đ là ông Bùi Q.T, bà Bùi Thị T.M phải bồi thường số tiền 15.619.298đ cho bị hại, nếu T sản của cha mẹ không đủ để bồi thường mà các bị cáo M, V, Đ có T sản riêng thì lấy T sản đó để bồi thường phần còn thiếu.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, 106 BLTTHS

- Tịch thu tiêu hủy:

+01 khăn quàng đỏ (loại khăn quàng học sinh);

+ 02 mũ bảo hiểm bị vỡ và phần xóp của mũ bảo hiểm;

+ 02 chất màu nâu thẫm;

+ 01 con dao dài 20cm, phần cán dao bằng nhựa dài 10cm, trên cán có chữ KIWI, phần lưỡi bằng kim loại dài 10cm, trên dao có dính chất màu đỏ thẫm;

- Giao trả cho bị cáo Bùi Bá T:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng; có ốp lưng nhựa trong suốt

viền màu vàng;

+ 01 xe mô tô Sirius, màu đen xanh, biển số 15AA-236.32, số khung RPESCBFPELA389784, bị xước mặt đèn pha, lỏng mặt nạ.

- **Giao trả cho bị cáo Lê Thanh K:**

01 điện thoại di động hiệu Samsung A2, màu xanh.

- Tiếp tục tạm giữ

+01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu vàng đồng của bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú Yên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 12, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Bùi Quang Đ, Bùi Gia H, Bùi Bá T, Lê Thanh K.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Bùi Quang Đ, Bùi Gia H.

Các bị cáo Phan Ngọc T, Nguyễn Vũ Thành Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phan Ngọc T phải chịu 681.000đ án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ phải chịu 431.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Lê Thanh K, Phan Ngọc T, Bùi Bá T, Bùi Gia H, Bùi Quang Đ, Nguyễn Vũ Thành Đ phạm tội “ Giết người ”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 15, 91, 101, 102 BLHS đối với các bị cáo. Bị cáo Phan C.M áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS, các bị cáo M, K, T, T, H, Đ áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T, H, Đ, Đ áp dụng thêm Điều 65 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Phan C.M 03(Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 09/3/2023.

Bị cáo Võ Ngọc T.V 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam từ ngày 09/3/2023.

Bị cáo Lê Thanh K 01(Một) năm 03(Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Phan Ngọc T 01(Một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bị cáo Bùi Gia H 01(Một) năm 03(Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02(Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Bùi Quang Đ 01(Một) năm 03 (Ba) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Bùi Bá T 01(Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02(Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ 01(Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 (Hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Gia H cho Ủy ban nhân dân phường 9, TP. TH, tỉnh Phú Yên , giao bị cáo Bùi Bá T cho Ủy ban nhân dân phường 3, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, giao bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ cho Ủy ban nhân dân phường 8, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên, giao bị cáo Bùi Quang Đ cho Ủy ban nhân dân xã Bình N, TP. Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân xã, phường được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân xã, phường phải trả lời bằng Văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo T liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng khoản 2 Điều 586, Điều 590 Bộ luật Dân sự

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo, người đại diện hợp pháp của các bị cáo và bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại buộc các bị cáo phải bồi thường số tiền cho bị hại số tiền 124.954.390đ (*Một trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm chín mươi đồng*) trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường số tiền 15.619.298đ (*Mười lăm triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi đồng*).

Các bị cáo Bùi Bá T, Lê Thanh K đã bồi thường đủ.

Bị cáo M đã bồi thường 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) nên còn phải bồi thường 8.619.298đ (*Tám triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng*), bị cáo Đ đã bồi thường 7.000.000đ nên còn phải bồi thường 8.619.298đ (*Tám triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng*), bị cáo T đã bồi thường 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) tại biên lai thu tiền số 0003811 ngày 24/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên nên còn phải bồi thường 13.619.298đ (*Mười ba triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng*), bị cáo H đã bồi thường 1.500.000đ (*Một triệu, năm trăm ngàn đồng*) nên còn phải bồi thường 14.119.298đ (*Mười bốn triệu, một trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng*).

Các bị cáo Phan Ngọc T, Bùi Gia H, Nguyễn Vũ Thành Đ phạm tội khi đủ 15 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự các bị cáo: Bị cáo T phải bồi thường 13.619.298đ (*Mười ba triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng*), bị cáo H phải bồi thường

14.119.298đ (Mười bốn triệu, một trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng), bị cáo Đ phải bồi thường 8.619.298đ (Tám triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng) cho người bị hại bằng T sản của mình, nếu không đủ T sản để bồi thường thì cha mẹ của bị cáo T là ông Phan Công Đ, bà Mạnh Thị T, mẹ của bị cáo H là bà Bùi Thị Bích L, cha mẹ của bị cáo Đ là ông Nguyễn VL, bà Vũ Thị T phải bồi thường phần còn thiếu bằng T sản của mình.

Các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Bùi Quang Đ phạm tội khi chưa đủ 15 tuổi nên theo quy định tại khoản 2 Điều 586 Bộ luật Dân sự thì mẹ của bị cáo M là bà Phan Thị Cẩm N phải bồi thường số tiền 8.619.298đ (Tám triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi tám đồng), cha, mẹ của bị cáo V là ông Võ Ngọc C, bà Đoàn Thị H phải bồi thường số tiền 15.619.298đ (Mười lăm triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi đồng), cha mẹ của bị cáo Đ là ông Bùi Q.T, bà Bùi Thị T.M phải bồi thường số tiền 15.619.298đ (Mười lăm triệu, sáu trăm mười chín ngàn, hai trăm chín mươi đồng) cho bị hại, nếu T sản của cha mẹ không đủ để bồi thường mà các bị cáo M, V, Đ có T sản riêng thì lấy T sản đó để bồi thường phần còn thiếu.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 47, Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu tiêu hủy:

+01 khăn quàng đỏ (loại khăn quàng học sinh);

+ 02 mũ bảo hiểm bị vỡ và phần xóp của mũ bảo hiểm;

+ 02 chất màu nâu thẫm;

+ 01 con dao dài 20cm, phần cán dao bằng nhựa dài 10cm, trên cán có chữ KIWI, phần lưỡi bằng kim loại dài 10cm, trên dao có dính chất màu đỏ thẫm;

- Giao trả cho bị cáo Bùi Bá T:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng; có ốp lưng nhựa trong suốt

viền màu vàng;

+ 01 xe mô tô Sirius, màu đen xanh, biển số 15AA-236.32, số khung RPESCBFPELA389784, bị xước mặt đèn pha, lỏng mặt nạ.

- Giao trả cho bị cáo Lê Thanh K: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A2, màu xanh của bị cáo Lê Thanh K.

- Tiếp tục tạm giữ:

+01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 plus, màu vàng đồng của bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ để đảm bảo thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/12/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Phú Yên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên).

- **Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 12, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Bùi Quang Đ, Bùi Gia H, Bùi Bá T, Lê Thanh K.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo Phan C.M, Võ Ngọc T.V, Bùi Quang Đ, Bùi Gia H.

Các bị cáo Phan Ngọc T, Nguyễn Vũ Thành Đ, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Phan Ngọc T phải chịu 681.000đ (*Sáu trăm, tám mươi một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Vũ Thành Đ phải chịu 431.000đ (*Bốn trăm ba mươi một ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bào chữa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Phú Yên;
- PC 06 Công an tỉnh Phú Yên;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo, NTGTT;
- P. KTNV THAHS; Lưu THS, AV 123

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thái Lan

